Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;

- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.

- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;

- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;

- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);

- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;

- Tiến độ cung cấp hàng hóa;

- Yếu tố thân thiện môi trường;

- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt[1]:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được

[1] Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	**Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ**		
1.1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Hàng hóa chào thầu đáp ứng tất cả đặc tính, thông số, yêu cầu kỹ thuật nêu tại E-HSMT	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
1.2	Thuyết minh khả năng đáp ứng của hàng hóa chào thầu	Nhà thầu cung cấp Bảng tuyên bố đáp ứng thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu và đầy đủ catalogue, tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất theo quy định tại Chương V E-HSMT để chứng minh các thông tin về hàng hóa, thông số kỹ thuật/tiêu chuẩn tuyên bố. Nhà thầu nêu rõ những nội dung nào trong E-HSDT thể hiện việc đáp ứng từng thông số kỹ thuật của thiết bị theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp tham chiếu đến Catalog/tài liệu kỹ thuật có nhiều trang/mục thì phải nêu chi tiết tham chiếu tại trang/mục nào, nội dung nào (highlight cụ thể) tại trang/mục đó để minh chứng việc đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
1.3	Tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo	Hàng hóa chào thầu phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định. Đối với hàng sản xuất trong nước, phải cung cấp chứng nhận xuất xưởng.	Đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đối với hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ từ nước ngoài phải cung cấp CO và CQ để chứng minh. Catalogue/tài liệu kỹ thuật của hàng hóa dự thầu phải được công bố rộng rãi thông tin trên trang thông tin điện tử của chính hãng sản xuất và có link phục vụ xem/tải thông tin thông số kỹ thuật. Catalogue/tài liệu kỹ thuật của hàng hóa dự thầu phải là tiếng Việt. Trường hợp Catalogue/tài liệu kỹ thuật có ngôn ngữ khác phải dịch sang tiếng Việt.	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
2	**Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa**		
2.1	Giải pháp kỹ thuật công nghệ	Nhà thầu phải trình bày chi tiết giải pháp kỹ thuật công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp yêu cầu theo phạm vi yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu trên hoặc giải pháp không đảm bảo tính khả thi	Không đạt
2.2	Biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa	Nhà thầu thuyết minh chi tiết biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thực hiện gói thầu. Bao gồm: - Biện pháp mua sắm, nhập khẩu trực tiếp hoặc sản xuất hàng hóa (nếu có). - Biện pháp vận chuyển, đảm bảo chất lượng: Có thuyết minh phương án vận chuyển và bảo quản để đảm bảo về chất lượng của hàng hóa trong quá trình vận chuyển; phương án tập kết hàng hóa và lưu kho tại	Đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		địa điểm thực hiện để chuẩn bị cho công tác lắp đặt; biện pháp bảo quản thiết bị và lắp đặt trong mùa mưa bão.	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
2.3	Biện pháp tổ chức lắp đặt hàng hóa	Nhà thầu thuyết minh chi tiết biện pháp lắp đặt, cài đặt, cấu hình đối với hàng hóa, đảm bảo an toàn trong quá trình lắp đặt, không ảnh hưởng đến hệ thống đang hoạt động.	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	
2.4	Biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm	Nhà thầu thuyết minh biện pháp quản lý chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp. Đề xuất các biện pháp giải quyết khi hàng hóa nhà thầu cung cấp không đảm bảo yêu cầu của hợp đồng.	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.5	Biện pháp vận hành chạy thử và kiểm thử, vận hành thử	Nhà thầu có vận hành thử tại đơn vị trước khi đưa vào sử dụng chính thức	
		Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.6	Biện pháp kiểm tra, nghiệm thu	Nhà thầu có thuyết minh chi tiết, hợp lý	
		Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
3	**Bảo hành, bảo trì**		
3.1	Yêu cầu về bảo hành, bảo trì	- Thời gian bảo hành đối với thiết bị thuộc phạm vi cung cấp của e-HSMT là theo quy định của nhà sản xuất nhưng tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng. - Nhà thầu phải trình bày kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì và năng lực cung cấp các dịch vụ	Đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		sau bán hàng. - Nhà thầu có cam kết các nội dung sau: + Trong thời gian bảo hành, nhà thầu phải khắc phục các lỗi đơn giản thông qua điện thoại, e-mail… trong vòng 08 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư. Nếu nhà thầu không khắc phục được sự cố từ xa, thì trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo về sự cố, nhà thầu phải có mặt tại hiện trường để khắc phục sự cố, có phương án sữa chữa tại chỗ hoặc gửi thiết bị/linh kiện lỗi về nhà sản xuất bảo hành. + Hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình sử dụng thiết bị, hàng hóa mà nhà thầu cung cấp. Khi hết thời gian bảo hành nhà thầu cam kết sẽ tư vấn, hỗ trợ cho chủ đầu tư trong quá trình sử dụng để khắc phục, sửa chữa hệ thống khi có sự cố xảy ra (các chi phí thuê chuyên gia, sửa chữa, thay thế thiết bị…. được chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu theo đúng quy định)	
		Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
3.2	Cung cấp vật tư, linh kiện, phụ tùng thay thế khi hư hỏng	Nhà thầu có cam kết cung cấp vật tư, linh kiện, phụ tùng thay thế cho hàng hóa tối thiểu 05 năm sau khi hết thời hạn bảo hành với chi phí ưu đãi.	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
4	**Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường**		
	Khả năng thích ứng về địa lý, môi	Nhà thầu có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa	Đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	trường	lý, môi trường.	
		Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
5	**Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết**		
	Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết	Nhà thầu trình bày ảnh hưởng, tác động của hàng hóa đến môi trường (nếu có) và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý.	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
6	**Đào tạo, hướng dẫn sử dụng**		
	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng	Nhà thầu có cam kết, đề xuất nội dung chương trình đào tạo, hướng dẫn sử dụng hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ để đảm bảo Chủ đầu tư có thể làm chủ trong quá trình vận hành khai thác và sửa chữa thiết bị, hệ thống.	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
7	**Tiến độ thực hiện gói thầu**		
	Tiến độ thực hiện gói thầu	≤ 30 ngày và có bảng tiến độ cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa đề xuất. (Trình bày cụ thể theo dạng bảng biểu từng hạng mục công việc và thời gian thực hiện, tên nhân sự thực hiện. Phương án bố trí, huy động nhân sự phù hợp, khả thi (nêu rõ thực tế địa điểm nơi ở, phương thức di chuyển của từng nhân sự khi thực hiện gói thầu)	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
8	**Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa**		
	Thông tin về thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói	Nhà thầu có cam kết: - Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của	Đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	thầu cung cấp hàng hóa từ ngày 01/01/2021 trở lại đây	nhà thầu. - Không có hợp đồng nào bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu.	
		Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
	Kết luận	**Tất cả các nội dung trên được đánh giá là đạt**	**Đạt**
		Có một trong các nội dung nêu trên được đánh giá là không đạt	**Không đạt**

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất[2]:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Không áp dụng

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Không có.

[2] Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.